| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 181/2021/DS-PT
Ngày: 31/5/2021
Về việc tranh chấp lối đi

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Mỹ;

*Các Thẩm phán:* - Bà Nguyễn Thị Vĩnh;

- Ông Lê Khắc Thịnh;

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Ngô Hồng Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2021/TLPT-DS, ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp lối đi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 108/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1955;

Địa chỉ: số 626, tổ 20, ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 1994. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/02/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Hoàng Đức là Luật sư của Công ty luật hợp danh Anh Em Luật Sư – Chi nhánh Đồng Tháp thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956;

Địa chỉ: tổ 7, ấp 02, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Hoàng N, sinh năm 1986;

2. Anh Lê Hoàng K, sinh năm 1988;

3. Anh Lê Hoàng M, sinh năm 1991;

4. Chị Võ Thị K1, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: tổ 7, ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

5. Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1966;

6. Anh Lê Hoàng P, sinh năm 1987;

7. Chị Lê Thị Mỹ V, sinh năm 1989;

8. Chị Lê Thị Mỹ N1, sinh năm 1991;

9. Chị Lê Thị Ngân G, sinh năm 1995;

10. Anh Lê Phong B, sinh năm 1997;

11. Anh Lê Hoàng A, sinh năm 2000;

12. Chị Trần Thị N2, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: số 626, tổ 20, ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Đ, anh P, chị V, chị N, chị G, anh B, anh A, chị Nhi: Chị Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp Tân Thuận B, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/02/2020).

13. Anh Lê Hoàng V, sinh năm 1983;

14. Chị Hồ Thị Kim C, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: tổ 7, ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

15. Chị Huỳnh Thị Hồng N3, sinh năm 1987;

Địa chỉ: khóm 3, phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Lê Văn Hlà nguyên đơn trong vụ án.

*(ông H, chị Ý, luật sư Đức có mặt tại phiên tòa, bà T, anh Việt, chị Nho, chị Cúc, anh Nam, anh Kiếm, anh Minh, chị Kiển có đơn xin vắng mặt).*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Văn Hdo chị Nguyễn Thị Như Ý đại diện trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp có diện tích 258m$^2$, ngang 3m, dài 86m thuộc thửa 105, tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ 299) đất tọa lạc tại ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là của cha mẹ ông Lê Văn H cho ông H sử dụng làm lối đi vào diện tích đất 15.600m$^2$ (đất liền kề) để canh tác từ năm 1986 đến nay. Việc sử dụng phần đất trên có bà Lê Ngọc T2, Lê Thị U và ông Phạm Quang M biết rõ.

Đến đầu năm 2016, bà Nguyễn Thị T ngăn cản không cho ông H sử dụng lối đi này làm cho việc canh tác đất ruộng của ông H gặp khó khăn. Sau đó, ông H mới biết bà T đã làm thủ tục kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.300m$^2$ thuộc thửa 105, tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ 299) đất tọa lạc tại ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (trong đó có phần lối đi diện tích 258m$^2$).

Ông Lê Văn H yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T, ông Lê Hoàng N, ông Lê Hoàng K, ông Lê Hoàng M và bà Võ Thị K1 cho ông được sử dụng phần đất ngang 3m, dài 86m thuộc một phần thửa 105, tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ 299) đất tại xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp như trong sơ đồ hiện trạng của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 10/7/2020 có vị trí như sau:

Mốc 1 đến mốc 2 dài 3 m**;**

Mốc 2 đến mốc 5 dài 86,16 m;

Mốc 5 đến mốc 6 dài 3 m;

Mốc 6 đến mốc 1 dài 84,29 m;

Nay ông H yêu cầu hộ bà T gồm: Bà Nguyễn Thị T, anh Lê Hoàng N, anh Lê Hoàng K, anh Lê Hoàng M, chị Võ Thị K1, anh Lê Hoàng V, chị Hồ Thị Kim C, chị Huỳnh Thị Hồng N2 phải mở cho ông lối đi từ đất ông ra lộ công cộng đi qua phần đất của hộ bà T với chiều ngang 2m và chiều dài 86m, diện tích 172 m$^2$. Lối đi mà ông yêu cầu là thuận tiện, hợp lý nhất vì các lối đi hiện nay ông đang đi không thuận tiện. Nếu hộ bà T đồng ý mở lối đi thì ông H đồng ý trả giá trị đất và bồi hoàn giá trị tài sản trên đất theo giá Hội đồng định giá đã định giá.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Thửa đất 105, tờ bản đồ số 1 (theo bản đồ 299) tại xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp có nguồn gốc của ông Lê Văn S (chồng bà T) chết để lại cho hộ bà T. Hộ bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2002. Trong hộ bà T hiện nay gồm: Nguyễn Thị T, Lê Hoàng N, Lê Hoàng K, Lê Hoàng M, Võ Thị K1, Lê Hoàng V, Hồ Thị Kim C, Huỳnh Thị Hồng N2. Hoàn cảnh gia đình khó khăn do chồng mất sớm, diện tích đất ở nông thôn nhỏ trong khi thành viên gia đình đông, nên không đồng ý việc mở lối đi theo yêu cầu ông H, vì việc mở lối đi như trên sẽ gây thiệt hại rất lớn cho gia đình bà T về chỗ ở. Việc ông H trình bày đây là lối đi duy nhất là không đúng, vì đất ông H có mặt giáp sông thuận tiện cho việc đi lại bằng đường thủy và đường bộ, từ năm 2016 đến nay ông H đã sử dụng lối đi khác để vào ruộng canh tác bình thường, không ảnh hưởng đến việc canh tác, sản xuất của ông H. Với chủ trương của địa phương hiện nay đất nằm trong diện ô bao phải tập trung đồng loạt theo lịch gieo sạ của địa phương nên lối đi mà ông H yêu cầu là không có căn cứ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà T đang giữ, không cầm cố thế chấp.

Nay bà T không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của ông H.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hoàng N trình bày:** Anh là con bà T, thống nhất ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị T, không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của ông H.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hoàng K, anh Lê Hoàng M, chị Võ Thị K1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày**:

Diện tích đất đang có tranh chấp là của hộ bà Nguyễn Thị T. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà T. Việc ông H đi trên đất là do trước đây không có hàng rào, năm 2016 phát sinh mâu thuẫn nên bà T rào lại, H đã đi bằng lối đi khác. Nay không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của ông H.

Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn Hvề việc yêu cầu được sử dụng phần đất để mở lối đi chiều ngang 2m, chiều dài 86m, diện tích 172 $m^2$ thuộc một phần thửa 105, tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ 299) đất tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, đất do Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T vào ngày 30/9/2002.

2. Về án phí: Ông Lê Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

3. Về chi phí tố tụng khác: Ông H phải nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá với số tiền 4.143.000 đồng (Bốn triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29 tháng 01 năm 2021, ông Lê Văn H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C. Buộc hộ bà Nguyễn Thị T mở lối đi cho ông chiều ngang 02m, chiều dài 86m, thuộc một phần thửa đất số 105, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp 02, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng ý trả giá trị đất cho bà T theo giá Hội đồng định giá đã định.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H:

Phần đất ông H yêu cầu hộ bà T mở lối đi có nguồn gốc là đất cha, mẹ ông H để lại cho ông Sang. Ông H và ông Sang (chồng bà T) là anh em ruột. Ông Sang được phần đất phía trước, ông H được phần đất phía sau. Ông H đã đi trên phần đất từ năm 1986 có anh em chứng kiến, được bà T thừa nhận. Lối đi ông H

yêu cầu là thuận lợi và phù hợp nhất. Nếu được chấp nhận yêu cầu, ông H đồng ý trả giá trị đất và bồi hoàn giá trị tài sản trên diện tích lối đi đối với cây trồng theo giá do Hội đồng định giá cấp sơ thẩm đã định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lê Văn H đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T, chị K, anh M, anh K1, anh N, anh M, anh V, chị N2 được Tòa án triệu tập và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của ông Lê Văn H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh. Buộc hộ bà Nguyễn Thị T mở lối đi cho ông chiều ngang 02m, chiều dài 86m, thuộc một phần thửa đất số 105, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp 02, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Hội đồng xét xử nhận thấy, phần đất mà ông H yêu cầu được mở lối đi là của hộ bà T, ông H yêu cầu mở lối đi từ đất ông ra lộ vì phần đất ông nằm phía trong phần đất của bà T không có lối đi ra lộ, nhưng thực tế phần đất của ông tại thửa 168 có mặt tiếp giáp kênh thủy lợi, cũng có lối đi ra lộ đất. Mặt khác, tại Công văn số 199/UBND-HC ngày 02/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã Bình Hàng Trung xác định phần diện tích đất thuộc thửa 105, tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ 299) xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp không phải là lối đi duy nhất để vào đất ông H. Ngoài lối đi mà ông H yêu cầu, phần đất của ông Lê Văn Hcó thể đi nhờ ra lộ đất bằng hai con đường. Thứ nhất từ đất ông H đi qua đất bà Võ Thị Mum đến đất ông Nguyễn Văn Thanh rồi ra lộ, thứ hai từ đất ông H đi qua đất bà T đến đất ông Văn Đức Đở rồi ra lộ. Vì vậy, đây không phải là lối đi duy nhất từ đất ông H ra lộ.

Tại phiên tòa ông H thừa nhận đất của ông có hai mặt giáp ngang kênh thủy lợi cũng có đường đi ra lộ đất, trong đó thửa số 168 của ông nằm phía sau. Hiện ông đang đi nhờ qua đất của cháu ông là Lê Hoàng Phương. Đến mùa gieo xạ, canh tác, thu hoạch lúa thì vận chuyển chung với các hộ lân cận. Cho nên, ông H kháng cáo yêu cầu được mở lối đi là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông H, là không có căn cứ để chấp nhận như đã phân tích trên.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, là có căn cứ để chấp nhận.

Về án phí phúc thẩm:

Do không chấp nhận kháng cáo của ông H, nên ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật, nhưng ông H được miễn nộp án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Từ những phân tích trên nhận thấy bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn Hạnh. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn H.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số số 05/2021/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn H về việc yêu cầu được sử dụng phần đất để mở lối đi chiều ngang 2m, chiều dài 86m, diện tích 172 $m^2$ thuộc một phần thửa 105, tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ 299) đất tại xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, do Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T vào ngày 30/9/2002.

3. Về án phí: Ông Lê Văn H được miễn nộp án phí, do thuộc trường hợp là người cao tuổi.

4. Về chi phí đo đạc, định giá: Tổng cộng là 4.143.000 đồng. Ông H phải chịu 4.143.000 đồng, ông H đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh ĐT;
- TAND H. Cao Lãnh;
- CCTHADS H. Cao Lãnh;
- Phòng GĐKTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thanh Mỹ**